

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Báo cáo tài chính hợp nhất
Quý III năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C, Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 09 năm 2018

Đơn vị: VNĐ

| TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 30/09/2018 | 01/01/2018 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 240.086.941.786 | 219.031.393.574 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5.1 | 12.591.058.867 | 25.519.623.995 |
| Tiền | 111 | | 12.591.058.867 | 6.489.623.995 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | 19.030.000.000 |
| Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 54.200.000.000 | 59.200.000.000 |
| Chứng khoán kinh doanh | 121 | 5.2 | 3.200.000.000 | 19.200.000.000 |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) | 122 | | - | - |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 5.2 | 51.000.000.000 | 40.000.000.000 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 104.579.833.902 | 82.485.813.902 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5.3 | 68.045.359.731 | 33.629.941.012 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 5.4 | 23.040.979.763 | 13.850.742.153 |
| Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 5.5 | 14.009.763.282 | 35.521.399.611 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 137 | 5.6 | (516.268.874) | (516.268.874) |
| Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| Hàng tồn kho | 140 | | 64.991.903.672 | 50.230.272.606 |
| Hàng tồn kho | 141 | 5.7 | 64.991.903.672 | 50.230.272.606 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | | - | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 3.724.145.344 | 1.595.683.071 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 5.8 | 46.153.526 | 33.176.000 |
| Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 3.655.860.157 | 1.562.507.071 |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | 22.131.661 | - |
| Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C, Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 09 năm 2018

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 30/09/2018 | 01/01/2018 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 84.471.746.633 | 40.733.674.162 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) | 219 | | - | - |
| Tài sản cố định | 220 | | 48.224.305.178 | 20.944.484.942 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.9 | 48.224.305.178 | 20.944.484.942 |
| - Nguyên giá | 222 | | 51.420.364.440 | 22.788.971.714 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | (3.196.059.262) | (1.844.486.772) |
| Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 226 | | - | - |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| - Nguyên giá | 228 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 229 | | - | - |
| Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 232 | | - | - |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 9.668.541.305 | 18.223.458.170 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| Chi phí XDCB dở dang | 242 | 5.10 | 9.668.541.305 | 18.223.458.170 |
| Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 25.000.000.000 | - |
| Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | 5.2 | 25.000.000.000 | - |
| Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*) | 254 | | - | - |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 1.578.900.150 | 1.565.731.050 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 5.8 | 1.578.900.150 | 1.565.731.050 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 324.558.688.419 | 259.765.067.736 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C, Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị: VND

Ngày 30 tháng 09 năm 2018

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 30/09/2018 | 01/01/2018 |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 74.502.727.835 | 43.374.123.608 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 74.502.727.835 | 43.374.123.608 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 5.11 | 23.390.807.969 | 20.868.632.234 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 5.12 | 36.695.459.311 | 14.610.682.144 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 5.13 | 9.508.343.076 | 3.667.585.274 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 2.903.766.944 | 1.709.000.000 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 5.14 | 186.232.921 | 180.000.000 |
| Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | 5.15 | 449.844.471 | 834.464.520 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 5.16 | 215.702.592 | 302.198.470 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | | - | - |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | 5.17 | 1.152.570.552 | 1.201.560.966 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | - | - |
| Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C, Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị: VND

Ngày 30 tháng 09 năm 2018

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 30/09/2018 | 01/01/2018 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 250.055.960.585 | 216.390.944.129 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 5.18 | 250.055.960.585 | 216.390.944.129 |
| Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 200.000.000.000 | 200.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 200.000.000.000 | 200.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| Cổ phiếu quỹ (*) | 415 | | - | - |
| Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| Quý đầu tư phát triển | 418 | | - | - |
| Quý hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 49.408.198.191 | 15.790.589.410 |
| - LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 15.590.589.410 | 244.843.117 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 33.817.608.781 | 15.545.746.293 |
| Nguồn vốn đầu tư XDCB | 422 | | - | - |
| Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | 647.762.393 | 600.354.719 |
| Nguồn kinh phí | 430 | | - | - |
| Nguồn kinh phí | 432 | | - | - |
| Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 433 | | - | - |
| CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 324.558.688.420 | 259.765.067.736 |

Ngày 30 tháng 10 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Hồ Thanh Ngân



Vũ Thị Nga



Trần Hữu Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C, Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/09/2018

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Quý III Năm 2018 | Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018 | Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017 |
|--|-----------|-------------|------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 6.1 | 121.815.949.506 | 312.699.346.192 | 127.306.950.614 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - | - |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | 6.1 | 121.815.949.506 | 312.699.346.192 | 127.306.950.614 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 6.2 | 102.256.221.537 | 257.850.005.725 | 94.209.108.461 |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 19.559.727.969 | 54.849.340.467 | 33.097.842.153 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 6.3 | 8.230.037.619 | 9.412.484.228 | 126.316.745 |
| Chi phí tài chính | 22 | | - | - | 528.131.248 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | - | - | 413.749.616 |
| Chi phí bán hàng | 25 | 6.4 | 939.997.217 | 4.423.874.236 | 6.848.201.687 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 6.5 | 5.696.105.796 | 16.753.829.858 | 14.459.183.507 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 21.153.662.575 | 43.084.120.601 | 11.388.642.456 |
| Thu nhập khác | 31 | 6.6 | 60.000.276 | 64.179.483 | 162.049.606 |
| Chi phí khác | 32 | 6.7 | 372.132.209 | 705.147.841 | 593.230.079 |
| Lợi nhuận khác | 40 | | (312.131.933) | (640.968.358) | (431.180.473) |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 20.841.530.642 | 42.443.152.243 | 10.957.461.983 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 6.8 | 4.227.933.142 | 8.578.135.789 | 2.083.225.048 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 16.613.597.500 | 33.865.016.454 | 8.874.236.935 |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ | 61 | | 16.575.206.998 | 33.817.608.781 | 8.874.532.286 |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | 38.390.503 | 47.407.675 | (295.350) |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 6.9 | 829 | 1.691 | 634 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | | 829 | 1.691 | 634 |

Ngày 30 tháng 10 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

Hồ Thanh Ngân

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Vũ Thị Nga

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Hữu Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C, Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/09/2018

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018 |
|--|-----------|---------------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | 42.243.152.245 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | 1.351.572.490 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (4.412.484.228) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | - |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | - |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 39.182.240.507 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | (24.209.504.747) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | (14.761.631.067) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | 18.420.064.033 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | (26.146.626) |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | (16.000.000.000) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (3.016.230.897) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | - |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (411.208.797) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | (12.929.840.558) |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn | 22 | - |
| Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (35.000.000.000) |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 56.000.000.000 |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | (25.000.000.000) |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | - |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 4.412.484.228 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (12.517.356.330) |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C, Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo phương pháp gián tiếp) (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/09/2018

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018 |
|---|-----------|---------------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | |
| Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | - |
| Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | - |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | - |
| Tiền trả nợ gốc vay | 34 | - |
| Tiền trả nợ thuê tài chính | 35 | - |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | - |
| LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ | | |
| | 50 | (12.928.565.127) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 25.519.623.995 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | 12.591.058.868 |

Ngày 30 tháng 10 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

Hồ Thanh Ngân

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Vũ Thị Ngà

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Hữu Đông

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/09/2018

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104606490, đăng ký lần đầu ngày 23/04/2010, đăng ký thay đổi lần 17 (lần gần nhất) ngày 05/9/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 200.000.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là:

- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ gia dụng, giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đầu trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: bán lẻ thiết bị gia dụng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thoát nước và xử lý nước thải (trừ loại Nhà nước cấm);
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ xây dựng chuyên dụng khác;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu. Chi tiết: tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn tài chính và tư vấn pháp luật);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu. Chi tiết: dịch vụ ủy thác mua bán hàng hóa (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Đại lý môi giới, đấu giá;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: dịch vụ trang trí nội thất công trình xây dựng;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: hoạt động của các khu giải trí, bãi biển bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khóa, ghế tựa, dù che;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh bất động sản).

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/09/2018 hoạt động cung cấp, lắp đặt các thiết bị vui chơi, giải trí cao cấp như: sân trượt băng nghệ thuật, thủy cung đại dương, công viên nước, bể bơi và hoạt động lắp đặt hệ thống M&E có ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C, Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/09/2018

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Văn phòng Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC

- Trụ sở chính: số 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Văn phòng đại diện – Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC: tầng 8, tháp C Hồ Gươm Plaza, số 102 Trần Phú, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
- Kho hàng - Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC: tầng 1, I I I M Forprodex Cầu Tiên, số 1111 đường Giải Phóng, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC – Hải Phòng

- Địa chỉ: Thôn 4, xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC – Thành phố Hồ Chí Minh

- Địa chỉ: Số 39 đường 19, khu phố 2, phường Bình An, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số các công ty con: 2 (một) công ty

- Số lượng các công ty con được hợp nhất: 2 (một) công ty.
- Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0 (không) công ty.

Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|------------------------------------|--|---------------|------------------------|
| Công ty TNHH HVC Hưng Yên | Thôn Thọ Bình, xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên | 99,00% | 99,00% |
| Công ty TNHH Tổng thầu cơ điện HCV | Tầng 8, Tháp C, 102 Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội | 90% | 90% |

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty Mẹ và các Công ty con áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014; Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC, thông tư số 202/2014/TT-BTC và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/09/2018

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017 của Công ty.

4.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (Công ty) và Công ty TNHH HVC Hưng Yên (Công ty con) (dưới đây gọi tắt là "Nhóm Công ty"). Công ty con là đơn vị do Công ty kiểm soát cho đến ngày lập báo cáo hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Nhóm Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4.3. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/09/2018 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/09/2018

4.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.5. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

4.6. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dự các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/09/2018

4.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

| | |
|--------------------|---|
| - Sản phẩm dở dang | Giá vốn nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung theo từng công trình |
| - Nguyên vật liệu | Bình quân gia quyền |
| - Hàng hóa | Bình quân gia quyền |

4.8. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

| | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 – 50 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 – 10 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 – 08 năm |
| - Tài sản cố định khác | 04 – 06 năm |
| - Thiết bị dụng cụ quản lý | 08 năm |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/09/2018

4.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

4.10. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Nhóm Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Nhóm Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Nhóm Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Nhóm Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

4.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/09/2018

4.12. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải trả từ nhà cung cấp của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính, bao gồm các chi phí liên quan đến giá vốn cung cấp dịch vụ và chi phí quản lý doanh nghiệp. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.14. Dự phòng phải trả

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

Dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Chi phí bảo hành công trình xây lắp. Đây là khoản dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty trong kỳ tài chính được ước tính theo chính sách trích lập dự phòng bảo hành, cụ thể như sau:

- Các công trình có tỷ lệ trọng hàng hóa chiếm từ 80% trở lên, nhân công lắp đặt và vật tư phụ chiếm dưới 20% do đã có chính sách bảo hành từ nhà cung cấp nên Công ty không tiến hành trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình này.
- Các công trình có tỷ lệ trọng hàng hóa chiếm dưới 80%, nhân công lắp đặt và vật tư phụ chiếm từ 20% trở lên thì Công ty tiến hành trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình trên theo tỷ lệ cam kết bảo hành tại từng hợp đồng nhưng không vượt quá 5% tổng giá trị hợp đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/09/2018

4.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

4.16. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được tính toán một cách tin cậy.
- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với các dịch vụ của Công ty là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong kỳ tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính hợp nhất và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/09/2018

4.18. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

4.20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C, Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/09/2018

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1 Tiền**

| | 30/09/2018 (VND) | 01/01/2018 (VND) |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 7.326.239.020 | 1.464.337.768 |
| Tiền gửi ngân hàng | 5.264.819.847 | 5.025.286.227 |
| Các khoản tương đương tiền | - | 19.030.000.000 |
| Cộng | 12.591.058.867 | 25.519.623.995 |

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**a. Chứng khoán kinh doanh**

Là khoản đầu tư mua cổ phiếu ngắn hạn chưa niêm yết của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An.

| | 30/09/2018 (VND) | | | 01/01/2018 (VND) | | |
|--|----------------------|----------|---------------------------|---------------------|----------|----------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị hợp lý | Giá trị | Dự phòng | Giá trị hợp lý |
| Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn chưa niêm yết | 3.200.000.000 | - | 19.200.000.000 | - | - | - |
| Tổng giá trị cổ phiếu (i) | 3.200.000.000 | - | (*) 19.200.000.000 | - | - | (*) |
| Cộng | 3.200.000.000 | - | (*) 19.200.000.000 | - | - | (*) |

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính của các Công ty trên và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính nêu trên có thể khác với giá trị ghi sổ.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | 30/09/2018 (VND) | | 01/01/2018 (VND) | |
|--------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 51.000.000.000 | 51.000.000.000 | 40.000.000.000 | 40.000.000.000 |
| Cộng | 51.000.000.000 | 51.000.000.000 | 40.000.000.000 | 40.000.000.000 |

Chi tiết khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

| | 30/09/2018 (VND) | 01/01/2018 (VND) |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở | 36.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - PGD Nguyễn Thị Định | 15.000.000.000 | - |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thăng Long | - | 7.000.000.000 |
| Cộng | 51.000.000.000 | 27.000.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C, Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/09/2018

c. Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | 30/09/2018 (VND) | | | 01/01/2018 (VND) | | |
|--|-----------------------|----------|----------------|-----------------------|----------|----------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị hợp lý | Giá trị | Dự phòng | Giá trị hợp lý |
| Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Vạn Phúc (c1) | 25.000.000.000 | - | - | - | - | - |
| Cộng | 25.000.000.000 | - | (*) | 25.000.000.000 | - | (*) |

(c1) Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Vạn Phúc được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107767778 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/03/2017, thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 1 ngày 10/07/2018. Vốn điều lệ của Công ty là 68.000.000.000 đồng. Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC tham gia góp vốn vào Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Vạn Phúc số tiền là 25.000.000.000 đồng tương ứng với 1.250.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 18,38%. Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Vạn Phúc đang sở hữu dự án “Cụm công trình hỗn hợp Văn phòng và Trung tâm thương mại”. Cụ thể:

+ Tên dự án: Cụm công trình hỗn hợp văn phòng và trung tâm thương mại phát triển làng nghề truyền thống.

+ Địa chỉ: Lô HH-02 Làng dệt lụa Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

+ Tổng diện tích: 1.254,14 m²

+ Mật độ xây dựng: Mật độ xây dựng 59,74%, tầng cao 19 tầng.

+ Tổng mức đầu tư dự kiến: 350 tỷ đồng.

+ Tiến độ dự án: Công ty đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 542758 ngày 16 tháng 08 năm 2017, do Sở tài nguyên môi trường thành phố Hà Nội cấp, diện tích giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lô HH-02: 1254,0 m². Dự kiến tháng 1 năm 2019, Công ty khởi công xây dựng dự án.

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính của các Công ty trên và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính nêu trên có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C, Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/09/2018

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | 30/09/2018 (VND) | 01/01/2018 (VND) |
|--|-----------------------|-----------------------|
| <i>Phải thu khách hàng bên liên quan</i> | - | 1.518.000.000 |
| - Ông Lê Văn Cường | - | 1.518.000.000 |
| <i>Phải thu khách hàng bên thứ ba</i> | 68.045.359.731 | 32.111.941.012 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại HVCINVEST | 5.084.316.683 | 15.896.490.658 |
| - Tập đoàn VINGROUP | 13.923.903.618 | - |
| - Công ty CP Golden rice | 30.000.000.000 | - |
| - Công ty TNHH Mặt trời Phú Quốc | 2.962.216.509 | 345.337.580 |
| - Công ty CP Đầu Tư Phú Cường Kiên Giang | 1.075.578.743 | 1.684.886.211 |
| - Công ty TNHH XD công nghiệp OLYMPIA | 2.114.280.358 | 794.951.275 |
| - Công ty TNHH Thương mại đầu tư và phát triển Thiên Niên Kỷ | 1.686.841.330 | - |
| - Công ty CP Thương mại du lịch Hà - Mỹ Á | 1.514.893.822 | - |
| - Chi nhánh Quảng Nam - Công ty Cổ phần Vinpearl | 2.190.181.598 | - |
| - Công ty cổ phần Tập đoàn Hoàng Hà | 2.510.307.528 | 405.746.693 |
| - Công ty TNHH xây dựng và phát triển thương mại Long Nguyễn | 1.113.346.209 | - |
| - Các đối tượng khác | 3.869.493.333 | 12.984.528.595 |
| Cộng | 68.045.359.731 | 33.629.941.012 |

5.4 Trả trước cho người bán

| | 30/09/2018 (VND) | 01/01/2018 (VND) |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Công ty TNHH TM & DV Đồng Kha | 2.086.387.411 | 6.980.148.011 |
| - Công ty TNHH MTV Nhất Trung Việt | 10.944.518.420 | - |
| - Công ty TNHH Quốc tế MICA | 6.613.638.457 | - |
| - Các nhà cung cấp khác | 3.396.435.476 | 6.870.594.142 |
| Cộng | 23.040.979.763 | 13.850.742.153 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C, Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/09/2018

5.5 Phải thu ngắn hạn khác*Phải thu ngắn hạn khác*

| | 30/09/2018 (VND) | | 01/01/2018 (VND) | |
|--|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Tạm ứng | 2.755.955.377 | - | 3.725.123.515 | - |
| Ký cược, ký quỹ | 246.450.843 | - | 1.098.410.586 | - |
| - Tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín | 3.378.857 | - | 3.378.857 | - |
| - Tại Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam | - | - | 4.723.955 | - |
| - Tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam | 243.071.986 | - | 1.090.307.774 | - |
| Phải thu khác | 11.007.357.062 | - | 30.697.865.510 | - |
| - Thuế GTGT chưa kê khai khấu trừ | - | - | 123.649.900 | - |
| - Trích trước lãi tiền gửi | - | - | 551.205.555 | - |
| - Công ty Cổ phần Bể Bơi Thông Minh Spool | 11.000.000.000 | - | 30.000.000.000 | - |
| - Phải thu khác | 7.357.062 | - | 23.010.055 | - |
| Cộng | 14.009.763.282 | - | 35.521.399.611 | - |

5.6 Nợ xấu

| | 30/09/2018 (VND) | | 01/01/2018 (VND) | |
|--|---------------------|---------------------------|---------------------|---------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi: | 601.425.701 | 85.156.827 | 601.425.701 | 85.156.827 |
| Từ 03 năm trở lên | 437.053.091 | - | 437.053.091 | - |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà | 154.253.091 | - | 154.253.091 | - |
| - Bệnh viện Đa khoa Kim Thành Hải Dương | 282.800.000 | - | 282.800.000 | - |
| Từ 02 đến dưới 03 năm | 74.760.000 | 22.428.000 | 74.760.000 | 22.428.000 |
| - Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hoàng Long HABICO | 74.760.000 | 22.428.000 | 74.760.000 | 22.428.000 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà | - | - | - | - |
| Từ 01 đến dưới 02 năm | 89.612.610 | 62.728.827 | 89.612.610 | 62.728.827 |
| - Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Thảo Nguyên Xanh | 75.637.210 | 52.946.047 | 75.637.210 | 52.946.047 |
| - Nhà thiếu nhi Tỉnh Hải Dương | 13.975.400 | 9.782.780 | 13.975.400 | 9.782.780 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C, Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/09/2018

Tình hình biến động các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

| | Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018 (VND) | Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017 (VND) |
|-----------------------------|--|--|
| Số đầu kỳ | 516.268.874 | 443.109.164 |
| Trích lập dự phòng trong kỳ | - | 73.159.710 |
| Hoàn nhập dự phòng trong kỳ | - | - |
| Số cuối kỳ | 516.268.874 | 516.268.874 |

5.7 Hàng tồn kho

| | 30/09/2018 (VND) | | 01/01/2018 (VND) | |
|---------------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| - Nguyên vật liệu | 915.413.110 | - | - | - |
| - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 48.599.619.507 | - | 46.790.252.409 | - |
| - Hàng hóa | 15.476.871.056 | - | 3.440.020.197 | - |
| Cộng | 64.991.903.672 | - | 50.230.272.606 | - |

5.8 Chi phí trả trước**a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | 01/01/2018 (VND) | Tăng trong kỳ (VND) | Phân bổ chi phí trong kỳ (VND) | 30/09/2018 (VND) |
|---------------------|---------------------|------------------------|--------------------------------------|---------------------|
| - Công cụ, dụng cụ | 33.176.000 | 44.974.755 | (45.854.920) | 32.295.835 |
| - Dịch vụ mua ngoài | - | 18.190.000 | (4.332.309) | 13.857.691 |
| Cộng | 33.176.000 | 63.164.755 | (50.187.229) | 46.153.526 |

b. Chi phí trả trước dài hạn

| | 01/01/2018 (VND) | Tăng trong kỳ (VND) | Phân bổ chi phí trong kỳ (VND) | 30/09/2018 (VND) |
|--------------------|----------------------|------------------------|--------------------------------------|----------------------|
| - Công cụ, dụng cụ | 1.565.731.050 | 855.348.105 | (842.179.005) | 1.578.900.150 |
| Cộng | 1.565.731.050 | 855.348.105 | (842.179.005) | 1.578.900.150 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C, Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/09/2018

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc (VND) | Máy móc và thiết bị (VND) | Phương tiện vận tải, truyền dẫn (VND) | Thiết bị, dụng cụ quản lý (VND) | Cộng (VND) |
|--|------------------------------------|---------------------------------|--|---------------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| 01/01/2018 | 19.204.345.605 | 312.675.200 | 3.271.950.909 | - | 22.788.971.714 |
| Mua trong kỳ | - | 5.094.249.846 | - | - | 5.094.249.846 |
| Đầu tư XDCB hoàn thành | 22.357.049.969 | 584.000.000 | - | 596.092.911 | 28.631.392.726 |
| 30/09/2018 | 41.561.395.574 | 5.990.925.046 | 3.271.950.909 | 596.092.911 | 51.420.364.440 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| <i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i> | - | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| 01/01/2018 | 760.526.878 | 183.966.200 | 899.993.693 | - | 1.844.486.772 |
| Khấu hao trong kỳ | 876.546.297 | 198.977.712 | 251.211.276 | 24.837.205 | 1.351.572.490 |
| 30/09/2018 | 1.637.073.175 | 382.943.912 | 1.151.204.969 | 24.837.205 | 3.196.059.262 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| 01/01/2018 | 18.443.818.727 | 128.709.000 | 2.371.957.216 | - | 20.944.484.942 |
| 30/09/2018 | 39.924.322.399 | 5.607.981.134 | 2.120.745.940 | 571.255.706 | 48.224.305.178 |

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | 30/09/2018 (VND) | 01/01/2018 (VND) |
|--|----------------------|-----------------------|
| - Nhà máy sản xuất thiết bị sắt thép, thiết bị lọc xử lý nước và đồ gỗ nội thất HVC - Giai đoạn 1 | - | 18.223.458.170 |
| - Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng Nhà máy sản xuất thiết bị sắt thép, thiết bị lọc xử lý nước và đồ gỗ nội thất HVC - Giai đoạn 2 | 2.700.036.120 | - |
| Cộng | 9.668.541.305 | 18.223.458.170 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C, Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/09/2018

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

| | 30/09/2018 (VND) | | 01/01/2018 (VND) | |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| - Công ty Cổ phần Bể bơi thông minh SPOOL | 4.921.224.882 | 4.921.224.882 | 8.045.172.610 | 8.045.172.610 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Tân Phát | 1.909.538.125 | 1.909.538.125 | 1.545.377.350 | 1.545.377.350 |
| - Công ty TNHH Xây dựng & Phát triển Thương mại Long Nguyễn | 2.317.786.283 | 2.317.786.283 | 1.351.072.197 | 1.351.072.197 |
| - Công ty cổ phần đầu tư và thương mại HVCINVEST | 7.146.635.303 | 7.146.635.303 | - | - |
| - Các nhà cung cấp khác | 7.095.623.376 | 7.095.623.376 | 9.927.010.077 | 9.927.010.077 |
| Cộng | 23.390.807.969 | 23.390.807.969 | 20.868.632.234 | 20.868.632.234 |

5.12 Người mua trả tiền trước

| | 30/09/2018 (VND) | 01/01/2018 (VND) |
|---|-----------------------|-----------------------|
| - Công ty TNHH dịch vụ Quang Minh Hà Nội | 25.240.000 | - |
| - Công ty TNHH thương mại Tân Hưng | 2.499.900 | - |
| - Công ty CP Phát triển địa ốc Cienco 5 | 26.400.000.000 | - |
| - Chi nhánh Hà Tĩnh - Công ty CP Vinpearl | 2.540.717.413 | - |
| - Các khách hàng khác | 7.727.001.998 | 14.610.682.144 |
| Cộng | 36.695.459.311 | 14.610.682.144 |

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | 30/09/2018 (VND) | | 01/01/2018 (VND) | |
|------------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| - Thuế giá trị gia tăng | 1.063.110.464 | 1.063.110.464 | 1.147.607.003 | 1.147.607.003 |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | 8.047.876.153 | 8.047.876.153 | 2.485.971.261 | 2.485.971.261 |
| - Thuế thu nhập cá nhân | 292.078.723 | 292.078.723 | 34.007.010 | 34.007.010 |
| - Các loại thuế khác | 12.500.000 | 12.500.000 | - | - |
| - Phí, lệ phí | 92.777.736 | 92.777.736 | - | - |
| Cộng | 9.508.343.075 | 9.508.343.075 | 3.667.585.274 | 3.667.585.274 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C, Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/09/2018

Tình hình biến động của các khoản phải nộp Nhà nước

| | 01/01/2018 (VND) | Số phải nộp trong kỳ (VND) | Số đã nộp trong kỳ (VND) | 30/09/2018 (VND) |
|----------------------------|----------------------|----------------------------------|--------------------------------|----------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | 1.147.607.003 | 5.692.928.319 | (5.777.424.858) | 1.063.110.464 |
| Thuế nhập khẩu | - | 230.915.550 | (253.047.211) | (22.131.661) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.485.971.261 | 8.578.135.789 | (3.016.230.897) | 8.047.876.153 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 34.007.010 | 527.067.886 | (268.996.173) | 292.078.723 |
| Các loại thuế khác | - | 34.000.000 | (21.500.000) | 12.500.000 |
| Phí, lệ phí | - | 148.086.492 | (55.308.756) | 92.777.736 |
| Cộng | 3.667.585.274 | 15.211.134.036 | (9.392.507.895) | 9.486.211.415 |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn

| | 30/09/2018 (VND) | 01/01/2018 (VND) |
|---|---------------------|---------------------|
| - Chi phí kiểm toán | 100.000.000 | - |
| - Chi phí tư vấn thiết kế xây dựng công trình nhà máy sản xuất thiết bị sắt thép, thiết bị lọc xử lý nước và đồ gỗ nội thất | 62.090.909 | - |
| - Chi phí khác | 24.142.012 | 180.000.000 |
| Cộng | 186.232.921 | 180.000.000 |

5.15 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

| | 30/09/2018 (VND) | 01/01/2018 (VND) |
|--|---------------------|---------------------|
| - Doanh thu cung cấp, lắp đặt thiết bị | 449.844.471 | 709.464.520 |
| - Doanh thu cho thuê văn phòng | - | 125.000.000 |
| Cộng | 449.844.471 | 834.464.520 |

5.16 Dự phòng phải trả

| | 30/09/2018 (VND) | 01/01/2018 (VND) |
|---|----------------------|----------------------|
| Ngắn hạn | | |
| - Dự phòng bảo hành công trình xây dựng | 1.152.570.552 | 1.201.560.966 |
| Cộng | 1.152.570.552 | 1.201.560.966 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C, Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/09/2018

5.17 Vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND) | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND) | Lợi ích cổ đông không kiểm soát (VND) | Cộng (VND) |
|---|---------------------------------|---|---------------------------------------|------------------------|
| 01/01/2017 | 87.685.200.000 | 10.958.792.871 | 299.975.654 | 98.941.968.525 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | 15.545.746.293 | 379.311 | 15.546.125.604 |
| Tăng vốn trong năm trước | 101.602.850.000 | - | 300.000.000 | 101.902.850.000 |
| Chia cổ tức bằng cổ phiếu | 10.711.950.000 | (10.711.950.000) | - | - |
| 31/12/2017 | 200.000.000.000 | 15.790.589.164 | 600.354.965 | 216.390.944.129 |
| 01/01/2018 | 200.000.000.000 | 15.790.589.164 | 600.354.965 | 216.390.944.129 |
| Lợi nhuận trong kỳ này | - | 33.817.609.027 | 47.407.429 | 33.865.016.456 |
| Chi trả thù lao cho HĐQT và Ban KS theo BB hợp ĐH Cổ đông thường niên số 01/2018 ngày 17/3/2018 | - | (200.000.000) | - | (200.000.000) |
| 30/09/2018 | 200.000.000.000 | 49.408.198.191 | 647.762.394 | 250.055.960.585 |

Cổ phiếu

| | 30/09/2018 (VND) | 01/01/2018 (VND) |
|-------------------------------------|------------------|------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 20.000.000 | 20.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 20.000.000 | 20.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 20.000.000 | 20.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 20.000.000 | 20.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 20.000.000 | 20.000.000 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | 30/09/2018 (VND) | 01/01/2018 (VND) |
|----------------------------------|--------------------|-----------------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| Vốn góp đầu năm | 200.000.000.000 | 87.685.200.000 |
| Vốn góp tăng trong năm | - | 112.314.800.000 |
| Vốn góp giảm trong năm | - | - |
| Vốn góp cuối năm | 200.000.000.000 | 200.000.000.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | 200.000.000 | 10.711.950.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C, Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/09/2018

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018 (VND) | Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017 (VND) |
|---|--|--|
| - Doanh thu bán hàng hóa | 131.275.200.825 | 3.641.179.561 |
| - Doanh thu bán thành phẩm | 1.983.083.992 | - |
| - Doanh thu thi công lắp đặt công trình | 178.336.083.101 | 123.665.771.053 |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ | 1.104.978.274 | - |
| Tổng doanh thu thuần | 312.699.346.192 | 127.306.950.614 |

6.2. Giá vốn hàng bán

| | Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018 (VND) | Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017 (VND) |
|---------------------------------------|--|--|
| - Giá vốn hàng hóa | 127.281.416.456 | 2.696.437.881 |
| - Giá vốn thành phẩm | 2.166.609.436 | - |
| - Giá vốn thi công lắp đặt công trình | 128.401.979.833 | 91.512.670.579 |
| Cộng | 257.850.005.725 | 94.209.108.461 |

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018 (VND) | Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017 (VND) |
|---------------------------|--|--|
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 1.412.484.228 | 33.554.343 |
| Lãi thanh lý khoản đầu tư | 8.000.000.000 | - |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | - | 92.762.402 |
| Cộng | 9.412.484.228 | 126.316.745 |

6.4. Chi phí bán hàng

| | Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018 (VND) | Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017 (VND) |
|-----------------------------|--|--|
| - Chi phí nhân viên | - | 100.977.600 |
| - Chi phí vật liệu, bao bì | 12.663.200 | - |
| - Chi phí bảo hành | 538.789.546 | 703.576.454 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.872.421.490 | 6.043.647.633 |
| Cộng | 4.423.874.236 | 6.848.201.687 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C, Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/09/2018

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018 (VND) | Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017 (VND) |
|-----------------------------|--|--|
| - Chi phí nhân viên quản lý | 10.530.616.717 | 7.723.109.678 |
| - Chi phí đồ dùng văn phòng | 35.581.483 | 281.655.089 |
| - Chi phí khấu hao TSCĐ | 1.785.250.113 | 1.995.577.822 |
| - Thuế, phí và lệ phí | 171.751.438 | 209.045.489 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.757.885.433 | 3.471.069.238 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 472.744.674 | 778.726.191 |
| Cộng | 16.753.829.858 | 14.459.183.507 |

6.6. Thu nhập khác

| | Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018 (VND) | Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017 (VND) |
|-----------------|--|--|
| - Thu nhập khác | 64.179.483 | 162.049.606 |
| Cộng | 64.179.483 | 162.049.606 |

6.7. Chi phí khác

| | Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018 (VND) | Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017 (VND) |
|--------------------------------------|--|--|
| - Lỗ thanh lý TSCĐ | - | 310.032.886 |
| - Khấu trừ tiện ích | 244.624.000 | - |
| - Phạt thuế, phạt vi phạm hành chính | 252.837.647 | 227.085.272 |
| - Chi phí khác | 207.686.194 | 56.111.921 |
| Cộng | 705.147.841 | 593.230.079 |

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018 (VND) | Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017 (VND) |
|--|--|--|
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành | 8.578.135.789 | 2.083.225.048 |
| Cộng | 8.578.135.789 | 2.083.225.048 |

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được dự tính như sau:

| | Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018 (VND) | Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017 (VND) |
|--|--|--|
| Phát sinh tại công ty Mẹ (Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC) | 7.392.943.920 | 2.083.225.048 |
| Phát sinh tại công ty con (Công ty TNHH HVC Hưng Yên) | 1.185.191.869 | - |
| Cộng | 8.578.135.789 | 2.083.225.048 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C, Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/09/2018

6.9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018 (VND) | Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017 (VND) |
|--|--|--|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 33.817.608.781 | 8.874.532.286 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | - | - |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 33.817.608.781 | 8.874.532.286 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 20.000.000 | 14.000.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.691 | 634 |

Nhóm Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

7 Tính hoạt động liên tục của Công ty

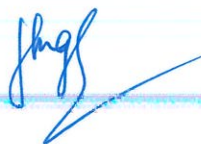
Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Hồ Thanh Ngân



Vũ Thị Ngà



Trần Hữu Đông